PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2014/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2014*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT) và Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT như sau:

1. Bổ sung khoản 3 và khoản 4 vào sau khoản 2 Điều 6 như sau:

"3. Các hạng mục kiểm tra thuộc phần gầm của ô tô chở người từ 16 chỗ (kể cả chỗ người lái) trở lên, ô tô tải (kể cả ô tô tải chuyên dùng) và ô tô đầu kéo có khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông từ 10.000 kg trở lên đã sản xuất trên 7 năm phải do Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao kiểm tra. Lộ trình áp dụng khoản này thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

4. Xe cơ giới vào kiểm định phải được chụp ảnh, cụ thể như sau:

a) Chụp ảnh tổng thể xe và ảnh biển số đăng ký của xe cơ giới trên dây chuyền kiểm định để in trên Phiếu kiểm định.

b) Chụp ảnh xe cơ giới để in trên Giấy chứng nhận. Ảnh chụp ở góc chéo khoảng 45 độ từ phía sau bên phải theo chiều tiến của xe; Ảnh chụp rõ nét (độ phân giải tối thiểu 300dpi), thể hiện được tổng thể xe và biển số xe, phần ảnh xe cơ giới chiếm tối thiểu 75% diện tích của ảnh."

2. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:

"a) Tổ chức, cá nhân đưa xe cơ giới và các giấy tờ theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định. Đối với những xe thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình của xe, Đơn vị đăng kiểm hướng dẫn chủ xe ghi các nội dung trong Tờ khai theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ với dữ liệu trên Chương trình Quản lý kiểm định. Nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại; nếu đầy đủ, hợp lệ thì thu phí, kiểm định, chụp ảnh phương tiện, chụp ảnh khoang hành khách (đối với ô tô khách) và kiểm tra thiết bị giám sát hành trình của xe qua website quản lý thiết bị với những xe thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình."

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 9 như sau:

"1. Xe cơ giới kiểm định đạt tiêu chuẩn quy định được cấp Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này. Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định phải có cùng một seri, có nội dung phù hợp với Hồ sơ phương tiện và được in trên phôi do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành.

Đối với xe ô tô lắp thiết bị chấm điểm sử dụng trong Trung tâm sát hạch lái xe, xe ô tô tải sử dụng trong các nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, lâm nghiệp (không có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ); xe cơ giới quá khổ, quá tải hoạt động trong phạm vi hẹp, không tham gia giao thông đường bộ thì chỉ cấp Giấy chứng nhận kiểm định và không cấp Tem kiểm định. Trong mục "Ghi chú" trên Giấy chứng nhận kiểm định có ghi dòng chữ: "Xe cơ giới hoạt động trong phạm vi hẹp, không tham gia giao thông đường bộ"."

4. Bổ sung điểm d và điểm đ vào sau điểm c khoản 2 Điều 12 như sau:

"d) Bản in kết quả kiểm tra thiết bị giám sát hành trình thông qua website.

đ) Bản in ảnh chụp trong khoang hành khách của ô tô khách."

5. Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 16 như sau:

"7. Trang bị camera IP để giám sát hoạt động kiểm định trên dây chuyền. Hình ảnh quay từ camera phải được truyền tới màn hình đặt tại phòng chờ của chủ xe và

truyền về Cục Đăng kiểm Việt Nam. Hình ảnh quay từ camera phải được lưu trữ tại Đơn vị đăng kiểm tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày kiểm định."

6. Sửa đổi Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Bổ sung Phụ lục VII vào Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT tương ứng Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT tương ứng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này như sau: Bổ sung Mục 1.6 "Biểu trưng, thông tin kẻ trên cánh cửa xe hoặc thành xe theo quy định" vào sau Mục 1.5 và sửa đổi, bổ sung Mục 10.5 "Thiết bị giám sát hành trình" vào sau Mục 10.4.

2. Sửa đổi Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2014 và bãi bỏ Thông tư số 37/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 15/2005/QĐ-BGTVT ngày 15/02/2005, Quy định điều kiện thành lập và hoạt động của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 45/2005/QĐ-BGTVT ngày 23/9/2005, Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 quy định về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 quy định về thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải".

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

Phụ lục I
Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục I
HẠNG MỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

" ...

Hạng mục kiểm tra		*Phương pháp kiểm tra*	*Nguyên nhân không đạt*
1.6	Biểu trưng, thông tin kẻ trên cánh cửa xe hoặc thành xe theo quy định	Quan sát	a) Không có theo quy định; b) Không chính xác hoặc không đầy đủ thông tin theo quy định; c) Mờ hoặc không nhìn rõ
...			
10.5. Thiết bị giám sát hành trình			
10.5.1	Lắp đặt	Quan sát và kết hợp dùng tay lay lắc	a) Gây nguy hiểm cho người ngồi trên xe; b) Ảnh hưởng đến việc vận hành xe; c) Lắp đặt không chắc chắn
10.5.2	Các dây dẫn, giắc cắm	Quan sát kết hợp dùng tay kiểm tra	a) Hệ thống dây lắp đặt không chắc chắn; b) Vỏ cách điện hư hỏng; c) Có hiện tượng cọ sát vào các chi tiết chuyển động; d) Giắc cắm liên kết không chặt chẽ, tiếp xúc chập chờn
10.5.3	Vỏ thiết bị	Quan sát	Nứt vỡ, biến dạng có thể nhận biết rõ bằng mắt thường
10.5.4	Nguồn cấp điện cho thiết bị	Quan sát, kết hợp bật tắt khóa điện của xe	a) Khi bật khóa điện của xe thiết bị không ở trạng thái làm việc; b) Có công tắc giữa thiết bị và khóa điện của xe
10.5.5	Chức năng tự động kiểm tra hoạt động của thiết bị	Bật khóa điện và quan sát	Chức năng tự động kiểm tra không hoạt động hoặc thông báo sai

Hạng mục kiểm tra		*Phương pháp kiểm tra*	*Nguyên nhân không đạt*
10.5.6	Tình trạng hoạt động	Sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào website quản lý thiết bị giám sát hành trình do chủ xe cung cấp	a) Không truy cập được; b) Hiển thị sai thông tin của xe cơ giới trên website

”

Phụ lục II
Sửa đổi Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGTVT ngày 24/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Loại phương tiện	Chu kỳ (tháng)	
		Chu kỳ đầu	Chu kỳ định kỳ
1. Ô tô tải (kể cả ô tô tải chuyên dùng), ô tô chuyên dùng, ô tô đầu kéo, rơ moóc, sơmi rơ moóc			
1.1	Ô tô nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam	**24**	**12**
1.2	Ô tô có cải tạo thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi một trong các hệ thống lái, phanh, treo và truyền lực	**12**	**06**
1.3	Ô tô đã sản xuất trên 07 năm		**06**
2. Ô tô con (kể cả ô tô con chuyên dùng) đến 09 chỗ (kể cả người lái)			
2.1	Ô tô nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam		
	- Có kinh doanh vận tải	**24**	**12**
	- Không kinh doanh vận tải	**30**	**18**
	Ô tô đã sản xuất trên 07 năm đến 12 năm		**12**
2.2	Ô tô có cải tạo thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi một trong các hệ thống lái, phanh, treo và truyền lực		
	- Có kinh doanh vận tải	**18**	**06**
	- Không kinh doanh vận tải	**24**	**12**
2.3	Ô tô đã sản xuất trên 12 năm		**06**
3. Ô tô chở người trên 09 chỗ (kể cả người lái)			
3.1	Ô tô nhập khẩu hoặc sản xuất lắp ráp tại Việt Nam		
	- Có kinh doanh vận tải	**18**	**06**
	- Không kinh doanh vận tải	**24**	**12**
3.2	Ô tô có cải tạo thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi một trong các hệ thống lái, phanh, treo và truyền lực		
	- Có kinh doanh vận tải	**12**	**06**
	- Không kinh doanh vận tải	**18**	**12**

TT	Loại phương tiện	Chu kỳ (tháng)	
		Chu kỳ đầu	Chu kỳ định kỳ
3.3	Ô tô đã sản xuất trên 07 năm		**06**
4. Xe ba, bốn bánh có gắn động cơ		**12**	**06**
5	Tất cả các ô tô chở người trên 09 chỗ (kể cả chỗ người lái) có thời gian sử dụng tính từ năm sản xuất từ 15 năm trở lên và ô tô tải các loại (kể cả ô tô tải chuyên dùng, rơ moóc, sơmi rơ moóc) có thời gian sử dụng tính từ năm sản xuất từ 20 năm trở lên		**03**

Ghi chú:

- Chu kỳ đầu chỉ áp dụng đối với xe cơ giới mới, chưa qua sử dụng kiểm định lần đầu trong thời gian 02 năm, tính từ năm sản xuất.

Phụ lục III
Sửa đổi Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục III
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ TEM KIỂM ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings

1. Khi tham gia giao thông, chủ phương tiện, lái xe phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định.
When in traffic, vehicle owners, drivers are requested to carry the certificate of inspection.
2. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.
Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.
3. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục kiểm định, ghi nhận thay đổi.
When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, … the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.
4. Nộp lại Giấy chứng nhận và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm và khi đi kiểm định.
Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center and when inspecting.
5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.
A motor vehicle which is damaged bay accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and and brought for re-inspection at an Inspection Center

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT - Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTALS PROTECTION REQUIREMENTS

N$_{o}$: (số seri)

(Trang bìa 1 và 4)

Chú thích: Phôi Giấy chứng nhận và Tem kiểm định

I. Phôi Giấy chứng nhận

1. Phát hành thống nhất; có các chi tiết chống làm giả.
2. Gồm 04 trang, vân nền màu vàng, trang 1 và 4 được in sẵn; trang 2 và 3 do các Đơn vị đăng kiểm in từ Chương trình Quản lý kiểm định.
3. Kích thước trang giấy: 148mm x 210mm
4. Phần chữ:

- Dòng "Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ" và số seri in màu đỏ;

- Các dòng còn lại in màu đen.

5. Nội dung (1): in số lượng lốp và cỡ lốp trên từng trục nếu cỡ lốp các trục khác nhau.
6. Nội dung (2): chỉ có trên Giấy chứng nhận khi xe có lắp thiết bị giám sát hành trình phù hợp với quy định.
7. Nội dung (3): vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định có kích thước 90 x 60 mm.
8. Nội dung (4): Đơn vị đăng kiểm ghi chú những đặc điểm khác của phương tiện nếu có.
9. Nội dung (5): dãy mã số của cơ quan quản lý để kiểm tra (tự động xuất hiện khi in Giấy chứng nhận).
10. Nội dung (6):

+ Đối với ô tô tải các loại: Ghi Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông trên cơ sở tài liệu kỹ thuật (Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất lắp ráp; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo hoặc Tài liệu kỹ thuật của Nhà sản xuất). Trường hợp giá trị xác định theo tài liệu kỹ thuật lớn hơn giá trị quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 và Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thì ghi theo giá trị tối đa quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BGTVT ngày 11/02/2010 và Thông tư số 03/2011/TT-BGTVT ngày 22/02/2011.

+ Đối với các loại xe khác: Ghi theo tài liệu kỹ thuật.

11. Nội dung (7):

+ Đối với ô tô tải các loại: Ghi giá trị được xác định bằng cách lấy giá trị tại nội dung (6) trừ đi Khối lượng bản thân của xe (xác định theo tài liệu kỹ thuật) trừ đi Khối lượng người được phép chở (số người cho phép x 65 kg).

+ Đối với các loại xe khác: Ghi theo tài liệu kỹ thuật.

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)* Biển đăng ký:..... Số quản lý phương tiện ..... *(Registration Number)..... (Vehicle Inspection No):*..... Loại phương tiện: *(Type)*..... Nhãn hiệu *(Mark)*:..... Số loại *(Model Code)*:..... Số máy *(Engine Number)*:..... Số khung *(Chassis Number)*:..... Năm, Nước sản xuất:..... *(Manufactured Year and Country)* Năm hết niên hạn sử dụng: *(Lifetime Limit to)*:..... Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)*: ... *Cải tạo (Modification)*:.... **2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT** *(SPECIFICATIONS)* Công thức bánh xe *(Wheel Formula)*:... Vết *(Wheel Tread)*:...../.. Kích thước bao *(Overall Dimension)*:..... (mm) Kích thước lòng thùng hàng:..... (mm) *(Inside cargo Container Dimensions)* Chiều dài cơ sở *(Wheel Base)*:..... (mm) Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:..... (kg) Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông: *(7)*.. (kg) *(Authorized pay load)* Số người cho phép chở: chỗ ngồi:... chỗ đứng:... chỗ nằm:..... *(Permissible No. of Pers Carried: seats:... stood place:.... laying place:....)* Khối lượng cho phép kéo theo *(Towed Weight)*:..... (kg) Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông: ..*(6)*..... (kg) *(Authorized total mass)* Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)*..... Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)*..... **No: (số seri)**	Số lượng lốp/cỡ lốp/trục *(The Number of Tires / Tire Size / Axle)* *(1)* Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* *(2)* ....., ngày ... tháng ... năm ..... Số phiếu kiểm định *(Issued on: Day/Month/Year)* *(Inspection Report No)* **ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH** *(INSPECTION CENTER)* Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* *Vị trí in ảnh xe cơ giới*(3) *(Image Position of Vehicle)* *Ghi chú (Notes)*:(4) *xxxxxxxxx*(5)

(Trang nội dung 2 và 3)

Tem kiểm định cho xe cơ giới

Tem kiểm định cho xe cơ giới có thể tích thùng hàng, xi téc vượt quá quy định tại Thông tư số 32/2012/TT-BGTVT ngày 09/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kích thước giới hạn thùng chở hàng ô tô tải tự đổ, rơ moóc và sơ mi rơ moóc tải tự đổ, ô tô xi téc, rơ moóc và sơ mi rơ moóc xi téc tham gia giao thông

II. Tem kiểm định

- Phát hành thống nhất; có các chi tiết chống làm giả; có cùng số seri với Giấy chứng nhận.
- Hình dạng bầu dục, kích thước bao: 76mm x 68mm.
- Mặt trước của Tem: vành ngoài màu trắng, chữ đen và số seri Tem màu đỏ được in sẵn trên phôi. Các nội dung khác chữ đen do Đơn vị đăng kiểm in.
- Phần trong hình bầu dục nền màu vàng, in chữ số của tháng và năm đến hạn kiểm định. Giữa số tháng và năm in biển số xe.
- Nội dung (8): in biển số phương tiện được cấp Tem kiểm định.
- Nội dung (9): in thời hạn hiệu lực (ngày/tháng/năm).
- Đơn vị đăng kiểm đóng vạch kẻ ngang màu đỏ bên dưới số sê ri. Vạch kẻ ngang có chiều rộng từ 4 mm đến 5 mm.

Phụ lục IV
Bổ sung Phụ lục VII vào Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BGTVT ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục VII
MẪU TỜ KHAI THÔNG TIN THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH CỦA XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH CỦA XE

(Dùng cho phương tiện có lắp thiết bị giám sát hành trình)

Loại phương tiện:..... Biển số:.....

Tên chủ xe: .....

Địa chỉ: .....

Nhãn hiệu, kiểu loại thiết bị giám sát hành trình của xe.....

Đơn vị cung cấp thiết bị: .....

Địa chỉ trang Web truy cập: .....

Tên đăng nhập:..... Mật khẩu: .....

Tôi xin cam đoan những thông tin khai báo trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.... tháng..... năm.....
NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)